

Số: 1702/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án:  
Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;  
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy  
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;  
Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi  
Nhà nước thu hồi đất;  
Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND  
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện  
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa  
bàn tỉnh Lai Châu;  
Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND  
thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt bổ sung lần 4 phương án bồi thường, hỗ  
trợ dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai  
Châu tại Tờ trình số 681 /TTr-TNMT ngày 21/12/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình: **Ông Phạm Xuân Thủy**  
- **Cư trú tại: Bản Phan Lìn, xã San Thành, thành phố Lai Châu; bà Nguyễn**  
**Thị Toan – Cư trú tại: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai**  
**Châu và ông Lò Văn Tranh – Cư trú tại: Xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh**  
**Lai Châu (đồng quyền sử dụng đất), cụ thể như sau:**

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **213.799.296 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai trăm mười ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn hai trăm  
chín mươi sáu đồng).*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao  
đất đã thu hồi:



- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 4 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì các hộ gia đình: Ông Phạm Xuân Thủy, bà Nguyễn Thị Toan và ông Lò Văn Tranh có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

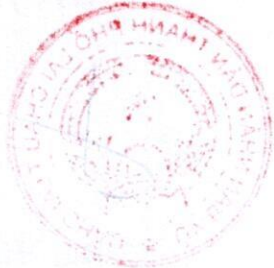
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**

Handwritten signature in blue ink, appearing to be "S. J.", positioned to the left of a red circular official seal.



**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 4)**

**Dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu**

Kèm theo Quyết định số: *1702/QĐ-UBND* ngày *25* tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>1</b>	<b>03 hộ đồng quyền sử dụng đất (Lò Văn Tranh, Phạm Xuân Thủy, Nguyễn Thị Toan)</b>				
	Địa chỉ: Ông Lò Văn Tranh - Địa chỉ: Xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Ông Phạm Xuân Thủy - Địa chỉ: Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu; bà Nguyễn Thị Toan - Địa chỉ: Bản Tà Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				<b>213.799.296</b>
<b>a</b>	<b>Về đất (đồng quyền sử dụng đất)</b>				<b>60.758.100</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	243,3		
2	Loại đất				
	Đất ở đô thị đường số 7 (nhánh 1) đoạn từ tiếp giáp nhánh 2 đến tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	m <sup>2</sup>	78,3	720.000	56.376.000
	Đất trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	165,0	36.000	5.940.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m <sup>2</sup>	78,3	-18.000	-1.409.400
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m <sup>2</sup>	165,0	-900	-148.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: 03 hộ gia đình Phạm Xuân Thủy, Lò Văn Tranh, Nguyễn Thị Toan nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Đoàn Văn Năm trước năm 2018 nhưng đến ngày 05/12/2018 mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Lai Châu theo hợp đồng Công chứng số 836 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2018 đến ngày 06/12/2018 làm hợp đồng số 839 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Lai Châu, lập giữa ông Đoàn Văn Năm chuyển nhượng cho 03 hộ gia đình. Đất của ông Đoàn Văn Năm được cấp GCNQSD đất số phát hành BD611067 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 11/9/2011				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc: Ông Lò Văn Tranh đang sử dụng, xây dựng năm 2016, khi xây dựng không bị lập biên bản vi phạm xây dựng, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất. Gia đình ông Tranh nhận chuyển nhượng đất trước năm 2016 của ông Đoàn Văn Năm, đến năm 2018 mới làm hợp đồng. Hỗ trợ theo điểm c khoản 7 Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu</b>				<b>152.453.196</b>
	<b>Tài sản xây dựng trên đất ở: phù hợp mục đích sử dụng đất, hỗ trợ 100% điểm c khoản 7 Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu</b>				
1	Nhà xây gạch bi T12cm nền lán VXM mái lợp tôn lạnh trần thạch cao không hiên giằng móng BTCT (17*5)((đơn giá Trần thạch cao-đơn giá trần nhựa: 180.000-139.700) có kết cấu theo điểm 4 mục 2.6 Quyết định 30/2017	m <sup>2</sup>			





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<i>Phần diện tích xây dựng trên đất ở 45,1 m<sup>2</sup> trong đó (9,7m<sup>2</sup> nằm trong thu hồi; 35,4 m<sup>2</sup> bị ảnh hưởng không sử dụng được)</i>	m <sup>2</sup>	45,1	1.672.260	75.418.926
2	Bán mái xây gạch bi t12 cm nền lán VXM mái lợp tôn (3,4*5) (cao 2,9 m)	m <sup>2</sup>	17,0	563.200	9.574.400
	<b>Tài sản vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp:</b> <i>không đứng mục đích sử dụng đất, đủ điều kiện hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
3	Bóc tách nhà vệ sinh				
3.1	Tường xây gạch bi tường 12cm (5,5*2,3)	m <sup>2</sup>	12,7	63.800	807.070
3.2	Trát VXM không đánh màu (5,5*2,3)*2	m <sup>2</sup>	25,3	13.750	347.875
4	Nóng lạnh (hỗ trợ di chuyển)	binh	1,0	72.600	72.600
5	Chậu rửa (hỗ trợ di chuyển)	Cái	1,0	72.600	72.600
6	Xí xôm	Cái	1,0	45.000	45.000
7	Bó bờ hoàn chỉnh	m	4,0	24.200	96.800
8	Ống nước PVC Φ 21	m	15,0	2.950	44.250
9	Tường xây gạch bi tường 12cm (20*2)	m <sup>2</sup>	40,0	63.800	2.552.000
10	Téc nước (tính bằng hỗ trợ di chuyển bồn tắm inoc)	Cái	1,0	72.600	72.600
11	Chân téc nước thép V 0,5*0,5 dày 2 ly	m	15,0	23.292	349.380
12	Bê xây dựng nước sinh hoạt gạch bi tường 12cm nắp bê tông (2,5*2,6*1,5)	m <sup>3</sup>	9,8	322.108	3.140.548
13	Bê nước sinh hoạt xây gạch bi tường 12cm nắp bê tông (1,8*1,4*0,5)	m <sup>3</sup>	1,3	358.105	451.212
14	Bê nước sinh hoạt xây gạch bi tường 12cm nắp bê tông (2,5*1,4*1,5)	m <sup>2</sup>	5,3	358.105	1.880.051
15	Bóc tách chuồng gà				
	<i>Khung sắt lưới B40 (6,4*1,2)+(1,1*2,1)*2</i>	m <sup>2</sup>	12,3	61.600	757.680
16	Ống nhựa PVC Φ 90	m	15,0	18.450	276.750
17	Tường xây gạch bi tường 12cm (2,4*0,9)	m <sup>2</sup>	2,2	63.800	137.808
18	Trát VXM đánh màu (2,4*0,9)*2	m <sup>2</sup>	4,3	15.950	68.904
19	Tấm đan BTCT (2,2*0,8*0,1)	m <sup>3</sup>	0,2	696.850	122.646
20	Óp gạch liên doanh (2,2*0,8) (tính bằng lát nền gạch liên doanh)	m <sup>2</sup>	1,8	71.500	125.840
21	Bán xây mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp tôn nền lán VXM (4,4*5) cao 3,1m	m <sup>2</sup>	22,0	281.600	6.195.200
22	Trụ công xây gạch bi (2*0,3*0,35)	m <sup>2</sup>	0,2	273.350	57.404
23	Công sắt (1,8*2)	m <sup>2</sup>	3,6	412.500	1.485.000
24	Nền BT đá dăm dày 10cm (2,2*5)	m <sup>2</sup>	11,0	41.800	459.800
25	Thép chữ U 80 dày 4ly (52 cọc*3m)	m	156,0	41.592	6.488.274
26	Tường rào khung sắt (7*1,1)*3	m <sup>2</sup>	23,1	49.100	1.134.210
27	Khung sắt lưới B40 (1,2*4,1)	m <sup>2</sup>	4,9	61.600	303.072
28	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (33*5)	m <sup>2</sup>	165,0	41.800	6.897.000
29	Bó bờ hoàn chỉnh	m	10,0	24.200	242.000





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
30	Nhà xây gạch bi T12cm nền láng VXM mái lợp tôn lạnh trần thạch cao không hiên giằng móng BTCT: <i>Phần diện tích xây dựng trên đất nông nghiệp 39,2 m<sup>2</sup> hỗ trợ bằng 50% đơn giá trong đó (17,5m<sup>2</sup> nằm trong thu hồi; 21,7 m<sup>2</sup> bị ảnh hưởng không sử dụng được)</i>	m <sup>2</sup>	39,2	836.130	32.776.296
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu: Trồng trên đất Lò Văn Tranh</b>				<b>588.000</b>
1	Cây ổi trồng hạt năm thứ 4	Cây	1,0	192.000	192.000
2	Cây bơ bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
3	Cây dâu tằm	m <sup>2</sup>	5,0	7.200	36.000

CHÍNH

